

Ngày soạn: / /

Bài 1: SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1 . Kiến thức:

- Biết được sự tương phản về trình độ kinh tế- xã hội của các nhóm nước: phát triển và đang phát triển, các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới
- Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại - Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, lược đồ.

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

- Bản đồ các nước trên thế giới
- Phóng to các bảng 1.1 và 1.2 SGK
- Phiếu học tập
- Máy chiếu và các phương tiện khác

2 . Học sinh: SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động một số kiến thức, kĩ năng đã học nhằm tạo tình huống có vấn đề để kết nối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt vấn đề: Nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển không có sự tương phản về kinh tế - xã hội”. Anh/chị hãy trình bày và giải thích quan điểm của mình về nhận định trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS huy động kiến thức của bản thân để trả lời. HS thực hiện và ghi ra giấy nháp, chuẩn bị để trình bày.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời 01 HS báo cáo, các HS khác trao đổi và bổ sung thêm

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự phân chia các nhóm nước và sự tương phản trong trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các nhóm nước

a) **Mục tiêu:**

- Biết được các tiêu chí dùng để phân loại các nhóm nước
- Biết được sự tương phản về trình độ kinh tế- xã hội của các nhóm nước: phát triển và đang phát triển, các nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới
- Biết được định hướng phát triển kinh tế của Việt Nam trong tương lai từ đó có thái độ đúng đắn trong việc phát triển kinh tế nước nhà
- Kỹ năng tính toán, xử lý số liệu; thu thập và xử lý tài liệu

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị của GV: 4 tờ giấy A0, mỗi HS một tờ giấy A4. - Phân nhóm: Chia lớp thành 4 nhóm - Nội dung thảo luận: <p>+ VD 1: Các nước trên thế giới chia thành mấy nhóm? Các tiêu chí phân chia các nhóm nước.</p> <p>+ VD 2: Chứng minh sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế của các nhóm dựa vào các tiêu chí trên</p> <p>+ VD 3: Trình bày sự phát triển của Việt Nam dựa trên các tiêu chí trên.</p> <p>+ VD 4: Định hướng phát triển kinh tế xã hội trong tương lai của nước ta</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thảo luận: 10 phút <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Mỗi HS tự làm lên giấy A4, sau đó nhóm thảo luận lấy ý kiến chung chuẩn bị báo cáo trước lớp</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV lần lượt gọi 4 nhóm lên trình bày kết quả</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV dựa vào quá trình làm bài và kết quả báo cáo cho điểm cộng.</p>	<p>Nội dung chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau được chia làm 2 nhóm nước: phát triển và đang phát triển. - Một số nước vùng lãnh thổ đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi là các nước công nghiệp mới (NICs). - Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế xã hội giữa các nhóm nước - GDP bình quân đầu người chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển - Trong cơ cấu kinh tế: <ul style="list-style-type: none"> + các nước phát triển khu vực dịch vụ chiếm tỉ lệ rất lớn, nông nghiệp rất nhỏ. + các nước đang phát triển tỉ lệ ngành nông nghiệp còn cao. - Tuổi thọ trung bình các nước phát triển > các nước đang phát triển. - HDI các nước phát triển > các nước đang phát triển
---	---

Hoạt động 2. Tìm hiểu cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

a) Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại
- Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại tới sự phát triển

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV cho HS xem tư liệu về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong lịch sử kết hợp với hiểu biết của bản thân HS trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - thời gian diễn ra các cuộc cách mạng công nghiệp - Đặc điểm nổi bật của các cuộc cách mạng công nghiệp đó. - Sự khác biệt của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại - Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến toàn thế giới. Liên hệ tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại đến Việt Nam. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV chuẩn kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại xuất hiện. - Đặc trưng: bùng nổ công nghệ cao. + Dựa vào thành tựu KH mới với hàm lượng tri thức cao + Bốn trụ cột: * Công nghệ sinh học. * Công nghệ vật liệu. * Công nghệ năng lượng. * Công nghệ thông tin. <p>=> Tác dụng: thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, đồng thời hình thành nền kinh tế tri thức – nền kinh tế dựa trên tri thức, kỹ thuật, công nghệ cao.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

BT1: Vẽ sơ đồ các tiêu chí phân loại các nhóm nước

BT2: vẽ tranh thể hiện tác động của cuộc cách mạng 4.0 đến nhân loại

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên kiểm tra kết quả thực hiện của học sinh. Điều chỉnh kịp thời những vướng mức của học sinh trong quá trình thực hiện.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để giải thích sự phân bố ngành công nghiệp năng lượng ở nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng
- Trường hợp học sinh không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, giáo viên có thể yêu cầu ...

(nhiệm vụ yêu cầu: tìm hiểu về GDP/ người và chỉ số HDI của địa phương) **Phụ lục**

1 . Phân chia các nhóm nước dựa vào các tiêu chí

Tiêu chí	Phát triển	Đang phát triển
GDP/ người (theo liên hiệp quốc- UN)	Có GDP/ người cao > 10000 USD	Có GDP/ người thuộc + nhóm trung bình 736-10000 USD + nhóm thấp: < 736
HDI- chỉ số phát triển con người	HDI >0,8	HDI thuộc nhóm + trung bình: 0,5- 0,8 + thấp: < 0,5
Cơ cấu kinh tế	Tỉ trọng khu vực III cao, tỉ trọng khu vực I thấp	Tỉ trọng khu vực III chưa cao, tỉ trọng khu vực I còn khá cao

Tuổi thọ trung bình (so sánh với tuổi thọ trung bình thế giới)	> 71,4 tuổi	< 71,4 tuổi
FDI	Cao	Thấp
Nợ nước ngoài	Thấp	Cao

2 . Một số khái niệm/ thuật ngữ

- **HDI:** Chỉ số phát triển con người HDI (Human Development Index) là tổng hợp ba chỉ tiêu: thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình và trình độ văn hóa.
- **GDP: t ổng sản phẩm nội địa** , tức **tổng sản phẩm quốc nội** hay **GDP** (viết tắt của Gross Domestic Product) là giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một lãnh thổ nhất định (thường là quốc gia) trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm).

Các chỉ số của Việt Nam

- GDP khoảng 4.159 USD/lao động
- Chỉ số Phát triển con người HDI tổng quát của Việt Nam tăng 1% lên 0,683 (thứ 6 ĐNA)
- Tuổi thọ trung bình tăng nhanh, đạt 73,4 tuổi năm 2016,

Tuần:

Ngày soạn: /.... /....

Bài 2: XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1 . Kiến thức:

- Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hóa và hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế -
- Trình bày được biểu hiện của khu vực hóa kinh tế và hệ quả của khu vực hóa kinh tế

2 . Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác; năng lực ứng dụng CNTT.
- Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng các số liệu thống kê; sử dụng lược đồ.

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Hình ảnh một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực
- Máy chiếu và các phương tiện khác
- Bản đồ thế giới

2 . Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Trình bày những điểm tương phản về trình độ phát triển kinh tế- xã hội của các nhóm nước phát triển và đang phát triển.
- Nhằm tạo tình huống có vấn đề để kết nối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv yêu cầu HS thảo luận và trả lời các câu hỏi:

- Em biết gì về chính sách bế quan tỏa cảng? Tác động của chính sách này tới kinh tế Việt Nam thời bấy giờ?
- Hiện nay, chính sách kinh tế của Việt Nam đã thay đổi như thế nào? Tại sao lại có sự thay đổi như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu về xu hướng toàn cầu hóa**a) Mục tiêu:**

Biết được các biểu hiện của toàn cầu hóa

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu nguyên nhân của toàn cầu hóa GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm	Nội dung chính I. Xu hướng toàn cầu hóa. Là quá trình liên kết các quốc gia về kinh tế, văn hóa, khoa học,... Trong đó toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh
Nhiệm vụ: Hãy nêu các ví dụ để thấy rõ các biểu hiện của toàn cầu hóa, liên hệ với Việt Nam. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trong nhóm trao đổi để trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và kết luận từng biểu hiện của toàn cầu hóa	mẽ nhất đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội thế giới. 1 . Toàn cầu hóa về kinh tế a. Thương mại phát triển: b. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh: c. Thị trường tài chính mở rộng: d. Các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn

Hoạt động 2. Tìm hiểu hệ quả của toàn cầu hóa**a) Mục tiêu:**

Hiểu và trình bày được hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.**c) Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV đặt câu hỏi: Đọc mục II SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân hãy cho biết toàn cầu hóa đã mang lại những thời cơ nào? Tạo sao một số nước trên thế giới biểu tình chống toàn cầu hóa?</p> <p>- Việt Nam cần có những hành động nào để tiếp cận toàn cầu hóa hiệu quả nhất?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>- Tích cực: thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tăng cường hợp tác quốc tế.</p> <p>- Thách thức: gia tăng khoảng cách giàu nghèo; cạnh tranh giữa các nước.</p>
<p>Hai HS cùng bàn trao đổi để trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>Một HS đại diện trả lời trước lớp. Các HS khác cho nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét và chuẩn kiến thức</p>	

Hoạt động 3. Tìm hiểu xu hướng khu vực hóa kinh tế và hệ quả của nó

a) Mục tiêu:

Trình bày được biểu hiện của khu vực hóa kinh tế và hệ quả của khu vực hóa kinh tế

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Hãy kể tên một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực mà em biết.</p> <p>- Giáo viên tổ chức cho HS tham gia một trò chơi nhỏ.</p>	<p>1. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực - Nguyên nhân: do phát triển không đều và sức ép cạnh tranh trên thế giới, những quốc gia tương đồng về văn hóa, xã hội, địa lí hoặc có chung mục tiêu, lợi ích.</p>

Tên tổ chức	Năm thành lập	Các nước và vùng lãnh thổ thành viên	Số dân	GDP	- Các tổ chức liên kết khu vực: AFTA, EU, ASEAN, APEC...
NAFTA	1994				
EU	1957				
ASEAN	1967				2 . Hệ quả của khu vực hóa kinh tế - Tích cực: vừa hợp tác vừa cạnh tranh tạo nên sự tăng trưởng kinh tế, tăng tự do
APEC	1989				
MERCOSUR	1991				

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS dành thời gian nghiên cứu nội dung bảng 2. Sau đó lên hoàn thành bảng

Hướng dẫn. điền số lượng thành viên. Sắp xếp số dân và

GDP từ vị trí cao đến thấp(thể hiện từ 1 đến 6)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Liên hệ về mối quan hệ của Việt Nam trong tổ chức ASEAN. Giải thích vì sao VN phải gia nhập ASEAN. Từ đó nêu nguyên nhân hình thành các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

Mở rộng: có nhiều tổ chức không có vị trí địa lí gần nhau vẫn có thể liên kết với nhau. Vd: G7 gồm Anh, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Mỹ, Đức, Canada, Ý.

GV đặt câu hỏi: Việt Nam tham gia tổ chức ASEAN có những thuận lợi và thách thức nào?

Từ câu trả lời của HS, GV nêu lên hệ quả của khu vực hóa kinh tế.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

thương mại, đầu tư, bảo vệ lợi ích KT các nước thành viên; tạo những thị trường rộng lớn, tăng cường toàn cầu hóa kinh tế. - Thách thức: quan tâm giải quyết vấn đề như chủ quyền kinh tế, quyền lực quốc gia.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành yêu cầu của GV.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Xác định trên bản đồ thế giới một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV chuẩn kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục đích:** Giúp học sinh vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học vào một vấn đề cụ thể của thực tiễn về toàn cầu hóa, khu vực hóa
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi.
- d) **Tiến trình hoạt động**

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng
- Trường hợp học sinh không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, giáo viên có thể yêu cầu tìm hiểu những thời cơ và thách thức của Việt Nam khi tham gia vào toàn cầu hóa.

Phụ lục

Tên tổ chức	Năm thành lập	Các nước và vùng lãnh thổ thành viên	Số dân	GDP
NAFTA	1994	3	4	2
EU	1957	27 (nay 26)	3	3
ASEAN	1967	10	2	4
APEC	1989	20	1	1
MERCOSUR	1991	4	5	5

Ngày soạn: / /

Bài 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết và giải thích được tình trạng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển và già hóa dân số ở các nước phát triển

- Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường
- Hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình và chống nguy cơ chiến tranh

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác; năng lực ứng dụng CNTT.
- Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng các số liệu thống kê.

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- một số hình ảnh về ô nhiễm môi trường
- một số tin, ảnh về chiến tranh khu vực và nạn khủng bố trên thế giới
- phiếu học tập

2 . Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Trình bày các biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hóa kinh tế. Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế dẫn đến những hệ quả gì?
- Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.
- Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đưa các từ hoặc cụm từ (hoặc trình chiếu một số hình ảnh), yêu cầu học sinh quan sát, sắp xếp theo ba chủ đề: bùng nổ dân số/ ô nhiễm nguồn nước biển, đại dương/ khủng bố quốc tế. Trình bày suy nghĩ của bản thân về các vấn đề trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu các vấn đề về dân số

a) Mục tiêu:

Biết và giải thích được tình trạng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển và già hóa dân số ở các nước phát triển

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia HS thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1 và 3: Đọc thông tin ở mục I.1. phân tích bảng 3.1 để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> + So sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước với thế giới + Hậu quả của việc gia tăng dân số: về kinh tế, xã hội, tài nguyên, môi trường - Nhóm 2 và 4: Đọc thông tin ở mục II.2. phân tích bảng 3.2, trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> + So sánh cơ cấu dân số của hai nhóm nước: phát triển và đang phát triển. + Hậu quả của vấn đề già hóa dân số <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét ý kiến của HS và chốt lại kiến thức. Liên hệ với việc gia tăng dân số ở VN và biện pháp giải quyết.</p>	<p>I. Dân số</p> <p>1 . Bùng nổ dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số thế giới tăng nhanh, nhất là nửa sau thế kỷ XX. - Dân số bùng nổ hiện nay chủ yếu ở các nước đang phát triển: (chiếm 80% dân số và 95 % số dân gia tăng hàng năm của thế giới). - Dân số tăng nhanh gây sức ép nặng nề đối với tài nguyên môi trường, phát triển kinh tế chất lượng cuộc sống. <p>2 . Già hóa dân số</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số thế giới có xu hướng già đi: <ul style="list-style-type: none"> + Tỉ lệ người < 15 tuổi giảm. + Tỉ lệ > 65 tuổi tăng. - Hậu quả của cơ cấu dân số già: <ul style="list-style-type: none"> + Thiếu lao động. + Chi phí phúc lợi cho người già tăng.
--	--

Hoạt động 2. Tìm hiểu các vấn đề về môi trường

a) Mục tiêu:

Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS ghi ra giấy các loại ô nhiễm môi trường mà em biết.</p> <p>Một HS trả lời, các HS khác bổ sung</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>GV chia HS thành 5 nhóm hoàn thành phiếu học tập (phụ lục). Liên hệ VN</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS các nhóm trao đổi để ghi nhận xét vào phiếu học tập. Đại diện các nhóm trình bày, HS các nhóm khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét phần trả lời của HS và chốt kiến thức</p>	Phụ lục

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số vấn đề khác

a) Mục tiêu:

Hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình và chống nguy cơ chiến tranh

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS xem một số hình ảnh/ video về vấn đề chiến tranh, xung đột đang diễn ra trên thế giới.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS nêu phát biểu cảm nghĩ của bản thân khi xem những hình ảnh/ video trên.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV đặt câu hỏi: Theo em, biện pháp để giải quyết chiến tranh, bảo vệ hòa bình là gì?</p> <p>- Liên hệ những hành động chống phá hòa bình ở VN và nêu trách nhiệm của bản thân.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.</p>	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành yêu cầu của GV.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Sau khi học xong các nội dung cơ bản của bài học. Các em hãy chọn ra một nội dung khiến em thấy ấn tượng, quan tâm nhất. Sau đó viết một bài thuyết trình về vấn đề đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ và thuyết trình trước lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Học sinh thực hiện nhiệm vụ và thuyết trình trước lớp

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức lí thuyết để vận dụng tìm hiểu vấn đề ô nhiễm tại địa phương

b) **Nội dung:**

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi

d) Tiến trình hoạt động

Tìm hiểu vấn đề ô nhiễm môi trường/ dân số của địa phương trong những năm vừa qua.

Yêu cầu có số liệu

Phụ lục

Một số vấn đề môi trường toàn cầu

Vấn đề môi trường	Hiện trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Biến đổi khí hậu				
Suy giảm tầng ôzôn				
Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương				
Suy giảm đa dạng sinh học				

Một số vấn đề môi trường toàn cầu

Vấn đề	Hiện trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Biến đổi khí hậu	Nhiệt độ khí quyển tăng ngày càng lớn, mưa axit	Khí CO ₂ tăng gây hiệu ứng nhà kính.	Thời tiết thay đổi thất thường, băng tan ở 2 cực. Ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt, sản xuất.	Cắt giảm lượng CO ₂ , NO ₂ , SO ₂ , CH ₄ ... Trong sản xuất và sinh hoạt
Suy giảm tầng ôzôn	Tầng ôzôn bị thủng và lỗ thủng ngày càng lớn	Hoạt động công nghiệp và đời sống thải khí CFC _s , SO ₂ ...	Gây nhiều tác hại đến sức khỏe con người, mùa màng và các loại sinh vật	Cắt giảm lượng CFC _s trong sản xuất

Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương	Ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước ngọt. Ô nhiễm biển và đại dương	Chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt. Vận chuyển dầu, tràn dầu, rác thải trên biển	1,3 tỷ người thiếu nước sạch ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh vật thủy sinh	Tăng cường xây dựng các nhà máy xử lý nước thải. Đảm bảo an toàn hàng hải
Suy giảm đa dạng sinh học	Nhiều loài sinh vật bị tuyệt chủng, nhiều hệ sinh thái biến mất	Khai thác quá mức, thiếu hiểu biết trong sử dụng tự nhiên	Mất đi nhiều loài sinh vật, xã hội mất nhiều tiềm năng phát triển kinh tế	Xây dựng các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên

Ngày soạn: / /

Bài 4: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HOÁ ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hiểu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá với các nước đang phát triển.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT & TT - Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng biểu đồ

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Giáo án. Một số hình ảnh về việc áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất, quản lí, kinh doanh.
- Một số tài liệu về tác động của toàn cầu hóa đối với Việt Nam.

2. Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- **Kiểm tra bài cũ:** Chứng minh rằng trên thế giới, sự bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển, sự già hoá dân số đang diễn ra ở các nước phát triển?

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nêu những thách thức và thời cơ của các nước đang phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1 . Tìm hiểu những thời cơ và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển

a) Mục tiêu:

Nêu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá với các nước đang phát triển.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS xác định mục đích, yêu cầu của bài thực hành.</p> <p>GV chia lớp thành 7 nhóm đảm nhận 1 ô kiến thức trong SGK</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.</p>	<p>Nội dung chính</p> <p>1 . Tự do hóa thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: Mở rộng thị trường, thúc đẩy sản xuất phát triển - Thách thức: trở thành thị trường tiêu thị cho các cường quốc <p>2 . Cách mạng khoa học- công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiên bộ; hình thành và phát triển nền kinh tế tri thức - Thách thức: nguy cơ tụt hậu <p>3 . Lối sống, văn hóa của các siêu cường quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại - Thách thức: mất bản sắc văn hóa dân tộc, giá trị đạo đức bị biến đổi <p>4 . Chuyển giao công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: tiếp nhận đầu tư công nghệ, hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật
---	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Thách thức: trở thành bãi rác công nghệ lạc hậu cho các nước phát triển <p>5 . Toàn cầu hóa trong công nghệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: đi tắt đón đầu từ đó có thể đuổi kịp các nước phát triển - Thách thức: gia tăng nhanh chóng nợ nước ngoài, nguy cơ tụt hậu <p>6 . Chuyển giao thành tựu khoa học – công nghệ, về tổ chức quản lí, về sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh hơn, hòa nhập nhanh chóng vào nền KT TG - Thách thức: sự cạnh tranh quyết liệt hơn <p>7 . Sự đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: tận dụng tiềm năng thế mạnh toàn cầu để phát triển KT - Thách thức: chảy máu chất xám, gia tăng cạn kiệt tài nguyên <p>Kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ hội: <ul style="list-style-type: none"> + Khắc phục khó khăn, hạn chế về vốn, cơ sở vật chất, kĩ thuật công nghệ + Tận dụng tiềm năng thế mạnh toàn cầu để phát triển kinh tế - Thách thức: <ul style="list-style-type: none"> + Cạnh tranh khốc liệt + Chịu rủi ro, nguy cơ tụt hậu và tụt chủ.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức đã học, Rèn luyện kĩ năng viết báo cáo
- b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp. Trường hợp hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà.

d) Tiến trình hoạt động:

- Trên cơ sở những nội dung đã thảo luận, mỗi cá nhân viết một báo cáo ngắn có chủ đề “những thời cơ và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển”
- Học sinh thực hiện nhiệm vụ
- Đánh giá

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, nội dung bài học **b) Nội dung:**

- + Phát vấn
- + Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) **Sản phẩm:** HS thực hiện yêu cầu của GV.

d) Tiến trình hoạt động

Tìm hiểu về châu Phi những màu sắc về cuộc sống và con người ở châu Phi.

Ngày soạn: / /

BÀI 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC

TIẾT 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU PHI.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Châu Phi là một châu lục khá giàu khoáng sản song có nhiều khó khăn do khí hậu khô, nóng...
- Dân số tăng nhanh, nguồn lao động khá lớn, song số dân sống trong nghèo đói rất lớn, luôn bị chiến tranh, bệnh tật đe dọa
- Kinh tế tuy có khởi sắc nhưng cơ bản phát triển chậm. Đa số các quốc gia vẫn đóng vai trò cung cấp nguyên vật liệu thô cho các nước phát triển.

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực sử dụng bản đồ, số liệu thống kê

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Giáo án, Bản đồ tự nhiên châu Phi, phiếu học tập.
- Msố tranh ảnh về cảnh quan và con người châu Phi, một số hoạt động kinh tế tiêu biểu của người dân châu Phi
- 2 . Học sinh: - Át lát địa lý VN
- SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động hiểu biết bản thân để đánh giá khái quát về Châu Phi
- Quan sát một số hình ảnh tạo hứng thú trong việc tiếp thu nội dung mới về Châu Phi.
- Tìm nội dung mới tạo tình huống mâu thuẫn, kích thích tìm tòi của hs về Châu Phi.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv cho hs xem một số hình ảnh về chủng tộc Nêgrôit, hoang mạc xahara và yêu cầu

hs trả lời câu hỏi:

- + Tên chủng tộc? Chủng tộc này sinh sống ở đâu
- + Hoang mạc Xahara thuộc châu lục nào
- + Em biết gì về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của Châu Phi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số vấn đề về tự nhiên, dân cư và xã hội.

a) Mục tiêu: Biết được tiềm năng phát triển kinh tế cũng như khó khăn về tự nhiên của Châu Phi

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Dựa vào hình 5.1 và kiến thức SGK: - Hãy trình bày những thuận lợi và khó khăn do tự nhiên gây ra? - Nêu các giải pháp khả thi để khắc phục những khó khăn đó?	<u>I. Một số vấn đề về tự nhiên:</u> - Khí hậu khô nóng. - Các loại cảnh quan: đa dạng: rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm, rừng cận nhiệt đới ẩm, khô, xavan, và rừng lùn xavan, hoang mạc và bán hoang mạc.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV phát phiếu học tập và hướng dẫn HS tìm hiểu một số vấn đề tự nhiên			<ul style="list-style-type: none"> - Cảnh quan chiếm ưu thế: Hoang mạc t và xavan, khí hậu khô nóng. - Tài nguyên nổi bật: <ul style="list-style-type: none"> + Khoáng sản: Giàu kim loại đen, kim loại màu, dầu mỏ, khí đốt đặc biệt là kim cương. + Rừng chiếm diện tích khá lớn. - Sự khai thác tài nguyên quá mức, môi trường bị tàn phá, hiện tượng hoang mạc hoá... Nguồn lợi nằm trong tay tư bản nước ngoài. - Biện pháp: <ul style="list-style-type: none"> + khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên + Tăng cường thủy lợi hóa.
	Thuận lợi	Khó khăn	
Khí hậu, cảnh quan Tài nguyên nổi bật			
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ			
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác bổ sung			
Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chuẩn kiến thức			

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số vấn đề về dân cư và xã hội.

a) **Mục tiêu:** Biết được một số vấn đề cần giải quyết về dân cư và xã hội của Châu Phi.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Dân cư và xã hội châu Phi tồn tại những vấn đề gì cần giải quyết?	<u>II. Một số vấn đề dân cư và xã hội:</u>		
	Các vấn đề	Đặc điểm	Ảnh hưởng

<p>- Dựa vào kiến thức SGK Phân tích bảng 5.1 để hoàn thành phiếu học tập sau:</p> <table border="1"> <tr> <th>Các vấn đề</th><th>Đặc điểm</th><th>Ảnh hưởng</th></tr> <tr> <td>Dân số</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Mức sống</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>Vấn đề khác</td><td></td><td></td></tr> </table> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p>			Các vấn đề	Đặc điểm	Ảnh hưởng	Dân số			Mức sống			Vấn đề khác		
Các vấn đề	Đặc điểm	Ảnh hưởng												
Dân số														
Mức sống														
Vấn đề khác														
Dân số	<p>- Tỷ suất sinh, tỷ suất tử, tỷ suất gia tăng tự nhiên cao nhất TG</p>	Hạn chế của sự phát triển kinh tế, giảm chất lượng cuộc sống, tàn phá MT												
Mức sống	<p>- Tuổi thọ trung bình thấp, HDI rất thấp.</p> <p>- Phần lớn các nước châu Phi dưới mức trung bình của các nước đang phát triển.</p>	Chất lượng nguồn lao động thấp.												
Vấn đề khác	Hủ tục, bệnh tật, xung đột sắc tộc.	Tổn thất lớn về người và của -> làm chậm sự phát triển nền KT-XH.												

Hoạt động 3: Một số vấn đề về kinh tế

a) Mục tiêu:

- Kiến thức: Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết và các giải pháp để phát triển kinh tế của Châu Phi.
- Kỹ năng: nhận xét bảng 5.2

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào bảng 5,2, nhận xét tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia châu Phi so với TG? - Trình bày thực trạng nền kinh tế châu Phi theo cấu trúc: - Thành tựu đạt được - Hạn chế - Nguyên nhân <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV đánh giá.</p>	<p><u>III. Một số vấn đề kinh tế:</u></p> <p><u>1. Thành tựu:</u> Nền kinh tế phát triển theo hướng tích cực: Tốc độ tăng trưởng GDP cao, khá ổn định.</p> <p><u>2. Hạn chế:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô nền kinh tế nhỏ chiếm 1,9% GDP toàn cầu, lại chiếm đến hơn 13% dân số TG. - Đa số các nước châu Phi thuộc nhóm kém phát triển nhất TG. <p><u>3. Nguyên nhân:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự kìm hãm của chủ nghĩa thực dân. - Đường biên giới quốc gia hình thành tùy tiện trong lịch sử nguyên nhân gây ra xung đột sắc tộc. - Khả năng quản lý yếu kém của nhà nước. - Dân số tăng nhanh.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục đích:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS
- Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp. Trường hợp hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà.
- Tiến trình hoạt động:**
 - Các nước châu Phi cần có giải pháp gì để khắc phục khó khăn trong quá trình khai thác và bảo vệ tự nhiên.
 - Để thoát khỏi tình trạng kém phát triển các nước châu Phi cần thực hiện những giải pháp gì?
 - Phân tích các nguyên nhân làm cho nền kinh tế châu Phi kém phát triển.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, nội dung bài học

b) Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) Sản phẩm: HS thực hiện yêu cầu của GV.

d) Tiến trình hoạt động

- Về nhà làm bài tập số 2 SGK trang 23.

- Đọc bài: Một số vấn đề của Mỹ La Tinh và nghiên cứu các câu hỏi giữa và cuối bài

Ngày soạn: / /

TIẾT 6- BÀI 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC

Tiết 2: KHU VỰC MỸ LA TINH

I. MỤC TIÊU

1 . Kiến thức :

- Trình bày được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước Mỹ La tinh (tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, về nguồn lực con người...)
- Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở MLT.

2 . Năng lực :

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực quan sát, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực ứng dụng CNTT.
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy lãnh thổ, sử dụng số liệu, sử dụng bản đồ

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Bản đồ các nước Mĩ La tinh.
- Bản đồ kinh tế các nước Mĩ La tinh.
- Tranh ảnh về cảnh quan, con người và một số hoạt động tiêu biểu của Mĩ La tinh.
- Máy chiếu
- Các bản đồ, tư liệu, hình ảnh liên quan đến Mĩ La tinh và chuẩn bị nội dung đã giao trước ở nhà.

2 . Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động kiến thức bản thân để nhận biết một số hình ảnh về con người, đất nước thuộc khu vực Mĩ La tinh.
- Quan sát một số hình ảnh tạo hứng thú trong việc tiếp thu nội dung mới về khu vực Mĩ La tinh.
- Tìm nội dung mới tạo tình huống mâu thuẫn, kích thích tìm tòi của hs về khu vực Mĩ La tinh.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv cho hs xem một số hình ảnh nổi bật của một số quốc gia Mĩ la tinh như lễ hội Đội bóng đá Braxin, lãnh tụ Phi-den-casro..và yêu cầu hs trả lời câu hỏi: hình ảnh này khiến các em liên tưởng đến các quốc gia nào trên TG?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Gv bổ sung và cho hs biết đây là hình ảnh của Braxin và Cuba- một trong những quốc gia thuộc khu vực Mĩ la tinh. Đây là khu vực có nền văn hóa đa dạng, kinh tế-xã hội có nhiều đặc điểm nổi bật.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số vấn đề về tự nhiên, dân cư và xã hội.

a) Mục tiêu

+ Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước Mỹ La tinh gồm tiềm năng về tài nguyên khoáng sản, về nguồn lực con người.

+ Biết được một số vấn đề cần giải quyết về dân cư và xã hội của Mỹ La tinh.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV khái quát về vị trí và giới hạn của các nước Mỹ Latinh. GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: Tại sao gọi là khu vực Mỹ La tinh. (Gv cần giải thích kết hợp môn lịch sử).(Gv chia lớp thành 8 nhóm)</p> <p>+ GV đặt câu hỏi: dựa vào thực tế và phần I sách giáo khoa hãy trình bày những hiểu biết của các em về tự nhiên và dân cư xã hội của Mỹ La tinh.</p> <p>(nhóm 1,2,3,4 trình bày về tự nhiên. Nhóm 5,6,7,8 trình bày về dân cư và xã hội)</p>	<p>I. Một số vấn đề về tự nhiên, dân cư và xã hội</p> <p>1 . Tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giàu tài nguyên, khoáng sản chủ yếu là kim loại màu, kim loại quý, nhiên liệu. - Đất đai, khí hậu thuận lợi cho việc phát triển rừng,
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs làm việc theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>Gv gọi đại diện một nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nghe và bổ sung.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung và chuẩn KT.GV phát vấn gợi mở cho hs:</p> <p>+ Dựa vào h 5.3, cho biết: Mỹ la tinh có những đới khí hậu, cảnh quan và các loại khoáng sản nào? Đánh giá thuận lợi và khó khăn của tự nhiên để phát triển kinh tế của khu vực Mỹ La tinh.</p> <p>+ Dựa vào bảng 5.3, nhận xét tỉ trọng thu nhập của các nhóm dân cư ở một số nước Mỹ Latinh.</p>	<p>chăn nuôi đại gia súc, và trồng cây công nghiệp. 2 . Dân cư và xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số dân cư nghèo đói, chênh lệch mức sống giữa các nhóm dân cư cao. - Cải cách ruộng đất chưa triệt để làm cho ruộng đất tập trung chủ yếu vào tay địa chủ. - Đô thị hóa tự phát →Tác động tiêu cực đến các vấn đề kinh tế xã hội của các nước Mỹ Latinh.

Hoạt động 2: Một số vấn đề về kinh tế

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được một số vấn đề cần giải quyết và các giải pháp để phát triển kinh tế của các quốc gia ở Mỹ La tinh. - Kỹ năng: nhận xét hình 5.4 và bảng 5.4

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv đặt câu hỏi:</p>	<p>II. Một số vấn đề về kinh tế</p> <p>1 . Thực trạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế tăng trưởng không đều - Đầu tư nước ngoài giảm mạnh
<p>+ Dựa vào H5.4, hãy nhận xét tốc độ tăng GDP của các nước Mĩ La tinh giai đoạn 1985-2004.</p> <p>+ Dựa vào bảng 5.4, hãy cho biết những nước nào có tỉ lệ nước ngoài cao</p> <p>+ Trình bày nguyên nhân làm cho kinh tế khu vực Mĩ La tinh kém phát triển.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV chuẩn kiến thức. Gv chuẩn kiến thức và nhấn mạnh nguyên nhân quan trọng nhất là chính trị xã hội không ổn định.</p> <p>(GV có thể đặt và giải quyết lần lượt các câu hỏi cho hs)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nợ nước ngoài cao - Phụ thuộc vào tư bản nước ngoài. <p>2 . Nguyên nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài. - Chưa xây dựng đường lối phát triển đúng đắn.→ Chính trị - xã hội bất ổn. <p>3 . Giải pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố bộ máy nhà nước. - Phát triển giáo dục. - Cải cách kinh tế, quốc hữu hóa các xí nghiệp. - Tiến hành công nghiệp hóa.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp. Trường hợp hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà.

d) Tiến trình hoạt động:

- a) GV giao nhiệm vụ cho HS: Trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm khái quát.(5 câu)

Câu 1: Mĩ La tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi đại gia súc là do

- A. có nguồn lương thực dồi dào và khí hậu lạnh. B. có nhiều đồng cỏ và khí hậu nóng ẩm.
C. ngành công nghiệp chế biến phát triển. D. nguồn thức ăn từ ngành trồng trọt dồi dào.

Câu 2: Nhân tố quan trọng làm cho Mĩ La tinh có thể mạnh trồng cây công nghiệp và cây ăn quả nhiệt đới là do có

- A. thị trường tiêu thụ rộng lớn. B. các loại đất khác nhau.
C. nhiều cao nguyên. D. khí hậu nhiệt đới.

Câu 3: Việc khai thác nguồn tài nguyên giàu có của Mĩ La tinh chủ yếu mang lại lợi ích cho

- A. đại bộ phận dân cư. B. người da đen nhập cư.
C. nhà tư bản, chủ trang trại. D. Người Anh-điêng).

Câu 4: Ở Mĩ La tinh, các chủ trang trại chiếm giữ phần lớn diện tích đất canh tác là do

- A. cải cách ruộng đất không triệt để. B. không ban hành chính sách cải cách ruộng đất.
C. người dân ít có nhu cầu sản xuất nông nghiệp. D. nông dân tự nguyện bán đất cho chủ trang trại.

Câu 5: Nguyên nhân chủ yếu Mĩ La tinh có tỉ lệ dân cư đô thị rất cao là do

- A. chiến tranh ở các vùng nông thôn. B. công nghiệp phát triển với tốc độ nhanh.
C. dân nghèo không có ruộng kéo ra thành phố làm. D. điều kiện sống ở thành phố rất thuận lợi.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, nội dung bài học

b) Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) Sản phẩm: HS thực hiện yêu cầu của GV.

d) Tiến trình hoạt động

Gv yêu cầu HS tìm các tài liệu liên quan đến khu vực Mĩ La tinh và mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước Mĩ La tinh. (theo 8 nhóm).

Ngày soạn: / /

TIẾT 7: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA KHU VỰC TÂY NAM Á VÀ TRUNG Á

I. MỤC TIÊU.

1 . Kiến thức:

- Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở khu vực Tây Nam Á và Trung Á.
- Hiểu được các vấn đề chính của khu vực: các vấn đề liên quan đến vai trò cung cấp dầu mỏ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, nạn khủng bố.
- Sử dụng bản đồ các thế giới để phân tích ý nghĩa vị trí địa lý của khu vực Tây Nam Á và Trung Á.
- Đọc lược đồ khu vực Tây Nam Á và Khu vực Trung Á để thấy vị trí các nước trong khu vực.
- Phân tích bảng số liệu thống kê, biểu đồ để rút ra nhận định cần thiết.
- Đọc và phân tích các thông tin địa lý từ các nguồn thông tin về chính trị, thời sự quốc tế.

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề, hợp tác, năng lực quan sát, giải quyết vấn đề... -
- Năng lực chuyên biệt: tư duy, sử dụng biểu đồ, bảng số liệu thống kê, trình bày thông tin

Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Bản đồ địa lý tự nhiên Châu Á
- Lược đồ khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

- Phóng to lược đồ, biểu đồ trong sách giáo khoa.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, máy chiếu (tivi), phiếu học tập.
- Hình ảnh, tư liệu liên quan đến khu vực Tây Nam Á và Trung Á (nếu có)

2 . Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động một số kiến thức, kĩ năng đã học về các khu vực trên thế giới đã học lớp 8, chuẩn bị cho kiến thức mới.
- Tạo tình huống có vấn đề nhằm gây hứng thú học tập
- Giải quyết một phần tình huống đề ra để kết nối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

GV chiếu một số hình ảnh về khu vực Tây Nam Á và Trung Á: Vài hình ảnh khí hậu, cảnh quan, địa hình, dầu mỏ, đạo Hồi, chiến tranh, xung đột sắc tộc... yêu cầu học sinh quan sát và trả lời câu hỏi:

Với kiến thức đã từng học ở THCS cho biết những hình ảnh trên là của khu vực vào?

Những hình ảnh nói lên được những đặc điểm nào của khu vực đó?

B. Hình thành kiến thức.

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á

1 . Mục tiêu:

- Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước khu vực Tây Nam Á và Trung Á
- Sử dụng bản đồ để phân tích, đánh giá ý nghĩa của vị trí địa lý của Tây Nam Á và Trung Á

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến																					
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho học sinh thảo luận và kẻ nhanh phiếu học tập lên bảng.</p> <p>Nhóm 1,3: Quan sát hình 5.5, kiến thức sgk, bản đồ tự nhiên Châu Á (nếu có) điền thông tin vào phiếu học tập phần khu vực Tây Nam Á.</p> <p>Nhóm 2,4: Quan sát hình 5.7, kiến thức sgk, bản đồ tự nhiên Châu Á (nếu có), điền thông tin vào phiếu học tập phần khu vực Trung Á.</p> <p>(thời gian thảo luận 7 phút)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS các nhóm quan sát bản đồ kết hợp đọc SGK thảo luận, viết ra giấy</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV cho đại diện các nhóm lên trình bày, ghi kiến thức lên bảng, HS khác theo dõi, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, đặt câu hỏi mở rộng kiến thức, củng cố, tổng kết.</p> <p>- Em hãy cho biết giữa 2 khu vực có điểm gì giống nhau?</p>	<p>I . Đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á</p> <table><tr><th>KV Đđ</th><th>Tây Nam Á</th><th>Trung Á</th></tr><tr><td>Diện tích</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Vị trí địa lí</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tự nhiên và tntn</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Số dân</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Tôn giáo</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Đặc điểm khác</td><td></td><td></td></tr></table> <p>1 . Khu vực Tây Nam Á</p> <p>2 . Khu vực Trung</p> <p>* Hai khu vực có cùng điểm chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Có vị trí địa lý chính trị chiến lược.- Có nhiều dầu mỏ và tài nguyên khác.- Khí hậu khô hạn.- Tỉ lệ dân cư theo đạo hồi cao.	KV Đđ	Tây Nam Á	Trung Á	Diện tích			Vị trí địa lí			Tự nhiên và tntn			Số dân			Tôn giáo			Đặc điểm khác		
KV Đđ	Tây Nam Á	Trung Á																				
Diện tích																						
Vị trí địa lí																						
Tự nhiên và tntn																						
Số dân																						
Tôn giáo																						
Đặc điểm khác																						

Phiếu học tập số 1 và thông tin phản hồi.

khu vực	Tây Nam Á	Trung Á
Đặc điểm		
Diện tích	Khoảng 7 triệu km ²	Gần 5,6 triệu km ²

Vị trí địa lí	Nằm ở Tây Nam Châu Á, giáp với Nam Á, Trung Á, Châu Âu, Châu phi, Ấn Độ Dương.	Gần trung tâm lục địa Á-Âu, giáp Trung Quốc, Liên Bang Nga, Tây Nam Á, biển Caxpi.
Tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Chủ yếu là dầu mỏ và khí tự nhiên, tập trung nhiều ở vùng vịnh Pecxich Khí hậu khô hạn	Giàu có về tài nguyên: dầu mỏ và khí tự nhiên, than đá, sắt, đồng, vàng, kim loại hiếm.... Khí hậu khô hạn
Số dân	313,3 triệu người (05)	61,3 triệu người (05)
Tôn giáo	Phần lớn theo đạo hồi	Phần lớn theo đạo hồi
Đặc điểm khác	Có nền văn minh cổ đại rực rỡ Các phần tử hồi giáo cực đoan làm cho khu vực mất ổn định.	Đa dân tộc, mật độ dân số thấp Có con đường tơ lụa chạy qua nên thừa hưởng nhiều giá trị văn hóa Đông, Tây

Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và Trung Á

a) Mục tiêu.

- Trình bày được một số vấn đề kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nam Á và Trung Á: vai trò cung cấp dầu mỏ, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố
- Phân tích biểu đồ lượng dầu thô khai thác và tiêu dùng để rút ra nhận xét về vai trò cung cấp năng lượng cho thế giới của 2 khu vực

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Gv yêu cầu các cặp học sinh nghiên cứu sgk, hình 5.8, trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khu vực khai thác lượng dầu thô nhiều nhất, ít nhất? - Khu vực có lượng dầu thô tiêu dùng nhiều nhất, ít nhất? - Khu vực có khả năng thỏa mãn nhu cầu trong nước vừa cung cấp dầu thô cho thế giới? Vì sao? - Gv đặt câu hỏi: - Dựa vào thông tin trong bài học và hiểu biết cho biết những sự kiện chính trị đáng chú ý nổi lên thời gian qua ở 2 khu vực này? - Ở TNA, sự kiện diễn ra dai dẳng nhất? - Giải thích nguyên nhân của các sự kiện đã xảy ra ở cả 2 khu vực? nêu hậu quả? - Theo em, các sự kiện đó ảnh hưởng như thế nào đến đời sống người dân, sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia trong khu vực? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Các cặp HS dựa vào hình vẽ và kiến thức sgk lần lượt trả lời các câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>GV gọi đại diện trả lời, các học sinh còn lại bổ sung.</p>	<p>II. Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và Trung Á.</p> <p>1 . Vai trò cung cấp dầu mỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả 2 khu vực đều có trữ lượng dầu mỏ lớn, riêng Tây Nam Á chiếm gần 50% trữ lượng thế giới. - Nhu cầu sử dụng dầu mỏ của thế giới rất lớn, Tây Nam Á cung cấp hơn 40 % nhu cầu các khu vực trên thế giới. <p>* Thuận lợi: thu nhiều lợi nhuận từ xuất khẩu dầu mỏ.</p> <p>* Khó khăn: trở thành mục tiêu nhòm ngó của các cường quốc, muốn tranh giành quyền lợi từ dầu mỏ dẫn tới tình trạng bất ổn.</p> <p>2 . Xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố</p> <p>a. Thực trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn xảy ra các cuộc chiến tranh, xung đột giữa các quốc gia, giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo - Sự can thiệp của các thế lực bên ngoài, nạn khủng bố phát triển. <p>b. Nguyên nhân.</p>
---	--

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét và tổng kết kiến thức

Từ phần trả lời của hs gv có thể đặt câu hỏi: chứng minh vai trò quan trọng của 2 khu vực trong việc cung cấp dầu mỏ cho thế giới, điều đó tạo nên những thuận lợi và khó khăn gì?

- GV có thể hỏi vài câu hỏi về các cuộc chiến tranh, xung đột, khủng bố ở 2 khu vực và chiếu những hình ảnh liên quan (nếu có)

- Tranh chấp quyền lợi, đất đai, tài nguyên, nguồn nước, môi trường sống.

- Do khác biệt về tư tưởng, định kiến về tôn giáo, dân tộc có nguồn gốc từ lịch sử.

- Do các thế lực bên ngoài can thiệp nhằm vụ lợi

c. Hậu quả.

Làm mất ổn định khu vực, tình trạng nghèo đói ngày càng gia tăng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi.

d) **Tiến trình hoạt động:**

Câu 1. Khu vực Tây Nam Á không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Vị trí địa lý mang tính chiến lược. B. ĐKTN thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.
C. Nguồn tài nguyên dầu mỏ giàu có. D. Sự can thiệp vụ lợi của các thế lực thù địch.

Câu 2. Khu vực có trữ lượng dầu mỏ nhiều nhất thế giới là

- A. Bắc Phi. B. Trung Á. C. Mỹ La Tinh. D. Tây Nam

Câu 3. Về mặt tự nhiên Tây Nam Á không có đặc điểm

- A. khí hậu lục địa khô hạn. B. nhiều đồng bằng châu thổ đất đai màu mỡ.
C. các thảo nguyên thuận lợi cho chăn nuôi gia súc. D. giàu có về tài nguyên thiên nhiên.

Câu 4. Dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á tập trung nhiều nhất ở

- A. ven biển Đỏ. B. ven vịnh Địa Trung Hải. C. ven vịnh Pec-xich. D. ven Ấn Độ Dương.

Câu 5. Đặc điểm của khí hậu Trung Á là

A. khô lạnh. B. khô hạn. C. nóng ẩm. D. gió mùa

Câu 6. Nhận định nào sau đây không đúng khi nói về khu vực Tây Nam Á và Trung Á?

A. Điều có trữ lượng dầu mỏ lớn. B. Điều là nơi cạnh tranh của các cường quốc.

C. Điều có khí hậu khô hạn. D. Tất cả dân cư đều theo đạo hồi.

Câu 7. Về mặt tự nhiên Tây Nam Á không có đặc điểm

A. khí hậu lục địa khô hạn. B. nhiều đồng bằng châu thổ đất đai màu mỡ.

C. các thảo nguyên thuận lợi cho chăn nuôi gia súc. D. giàu có về tài nguyên thiên nhiên.

Câu 8. Khu vực Tây Nam Á được mệnh danh là điểm nóng của thế giới là do

A. khí hậu ở đây nóng và khô hạn. B. khu vực thường mất mùa, đói kém.

C. ở đây thường xảy ra các cuộc xung đột quân sự. D. ở đây đạo hồi là đạo chính thống.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, nội dung bài học

b) **Nội dung:**

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) **Sản phẩm:** HS thực hiện yêu cầu của GV.

d) **Tiến trình hoạt động**

- GV hướng dẫn HS tự đặt vấn đề mà hs đã vận dụng được những kiến thức đã học vào đời sống thực tiễn.

- Tìm hiểu thêm những vấn đề nổi cộm hiện nay của 2 khu vực trên và nơi khác, liên hệ với VN.

- Tìm hiểu vấn đề ở một số quốc gia, khu vực trên thế giới trước một chuyển công tác hay du lịch nước ngoài dài ngày chẳng hạn.

Ngày soạn: / /

BÀI 6. HỢP CHỮNG QUỐC HOA KÌ

TIẾT 1: TỰ NHIÊN VÀ DÂN CƯ

I. MỤC TIÊU

1 . Kiến thức:

- Biết được vị trí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kỳ, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.
- Phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế; biết về sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chủng tộc, về sự đa dạng trong văn hoá

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác; năng lực ứng dụng CNTT.
- Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng số liệu thống kê; sử dụng lược đồ.

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Bản đồ tự nhiên Bắc Mỹ.
- Bản đồ các nước châu Mỹ.
- Tranh ảnh về tự nhiên, quần cư của Hoa Kỳ.
- Sơ đồ tư liệu về Hoa Kỳ

2 . Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động một số kiến thức, kỹ năng đã học về các khu vực trên thế giới đã học lớp 8, chuẩn bị cho kiến thức mới.
- Tạo tình huống có vấn đề nhằm gây hứng thú học tập - Giải quyết một phần tình huống đề ra để kết nối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV treo bản đồ Châu Mỹ và giới hạn khái quát về đất nước Hoa Kỳ sau đó yêu cầu HS

- + Em hiểu biết gì về đất nước Hoa Kỳ(Tự nhiên, dân cư, tiềm lực kinh tế)
- + Tại sao các bản tin về thời sự quốc tế người ta thường đề cập đến các hoạt động kinh tế của Hoa Kỳ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu lãnh thổ và vị trí địa lí Hoa Kỳ

a) **Mục tiêu**

- Kiến thức: Biết được vị trí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kỳ,
- Kỹ năng: Xác định Hoa Kỳ trên bản đồ thế giới với các giới hạn lãnh thổ

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Treo bản đồ thế giới và bản đồ các nước châu Mỹ.</p> <p>Yêu cầu HS lên bảng xác định lãnh thổ Hoa Kỳ: Phần trung tâm Bắc Mỹ, bán đảo A-la-xca, quần đảo Ha-oai trên bản đồ thế giới và nêu nhận xét hình dạng lãnh thổ phần trung tâm của Hoa Kỳ trên bản đồ các nước Bắc Mỹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào SGK đọc số liệu về diện tích và tìm vị trí của thủ đô Oa-sinh-tơn trên bản đồ. <p>Dựa vào SGK hãy nêu diện tích, chiều dài và chiều rộng của vùng trung tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy nêu và giải thích sự phân hóa khí hậu theo chiều Bắc → Nam và từ ven biển vào nội địa. - ảnh hưởng của độ lớn và hình dạng lãnh thổ phần trung tâm đối với sự phân bố sản xuất và phát triển giao thông? <p>Hãy cho biết vị trí của Hoa Kỳ có thuận lợi gì cho sự phát triển kinh tế?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, chốt kiến thức và GV bổ sung thêm thông tin</p>	<p>Lãnh thổ và Vị trí địa lí :</p> <p>1 . Lãnh thổ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần rộng lớn ở trung tâm bắc Mỹ, bán đảo A-la-xca và quần đảo Ha-oai. - Phần trung tâm: <p>+ Khu vực rộng lớn, cân đối, rộng hơn 8 triệu km² , Đông → Tây: 4500km, Bắc → Nam: 2500 km.</p> <p>+ Tự nhiên thay đổi từ Bắc xuống Nam, từ ven biển vào nội địa.</p> <p>2 . Vị trí địa lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm ở bán cầu Tây. - Giữa Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. - Giáp Ca-na-đa và Mê-hi-cô. - Gần các nước Mỹ La tinh.
--	---

<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn lãnh thổ Hoa Kỳ nằm trong khoảng 25° B đến 49° B và đường bờ biển dài nên khí hậu ôn hòa, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt. - Hoa Kỳ nằm cách châu Âu bởi Đại Tây Dương nên hầu như không bị tàn phá trong các cuộc chiến tranh thế giới. - Hoa Kỳ giáp Canada và các nước Mỹ La tinh có nhiều tài nguyên nhưng kinh tế không phát triển bằng. Do vậy, Hoa Kỳ được cung cấp nguồn nguyên liệu phong phú và thuận lợi trong việc tiêu thụ hàng hoá. - Hình dạng lãnh thổ Hoa Kỳ thuận lợi cho việc hình thành nhiều vùng kinh tế khác nhau. - Do lãnh thổ rộng lớn và mang hình khối lớn nên khí hậu ở Hoa Kỳ phân hoá rất sâu sắc từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, từ ven biển vào nội địa. 	
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên Hoa Kỳ

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.
- Kỹ năng: Dựa vào bản đồ tự nhiên châu Mỹ hoặc lược đồ Địa hình và khoáng sản phân tích, so sánh sự khác biệt về đặc điểm địa hình, sự phân bố khoáng sản ba vùng: phía Tây, phía Đông, và vùng Trung tâm

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	II. Điều kiện tự nhiên			
	Miền Tây	Trung Tâm	Miền Đông	

GV chia lớp thành 4 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm:

- Nhóm 1 : Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên củ vùng phía Tây.
- Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm vùng phía Đông.
- Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm vùng Trung tâm.
- Nhóm 4: Tìm hiểu vùng Alaxca và Ha-oai.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: ếu

Các nhóm dựa vào hình 6.1, bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ để hoàn thành nội dung phi học tập:

1 . Lãnh thổ ở trung tâm Bắc Mỹ:

Vùng	Phía Tây	Trung tâm	Phía Đông
Phạm vi			
Địa hình			
Khí hậu			
Tài nguyên TN			

2 . Alaxca và Ha-oai:

	Đặc điểm TN	Ý nghĩa
Alaxca		
Ha-oai		

- Gồm hệ thống **núi cao Cooc-di-e** chạy theo hướng bắc-nam, xen giữa là bồn địa, cao nguyên, ven Thái Bình Dương có đồng bằng nhỏ

- **Khí hậu** khô hạn là chủ yếu (hoang mạc và bán hoang mạc). Ven biển có cận nhiệt và ôn đới hải dương

- **Tài nguyên phát triển** : Nhiều đồng cỏ, rừng, nguồn thủy năng phong phú, kim loại màu

- **Phía bắc là gò đồi thấp, phía nam là đồng bằng** phù sa màu mỡ.

- **Khí hậu** : Phía bắc: ôn đới.

Phía nam: cận nhiệt

- **Tài nguyên**: than, sắt, dầu khí, đồng cỏ.

- Hệ thống **núi cao Apalat** , đồng bằng ven biển Đại Tây Dương.

- **Khí hậu** ôn đới và cận nhiệt.

- **Tài nguyên** : than đá, nguồn thủy năng, sắt.

2 . A-la-xca và Ha oai: có tiềm năng lớn về dầu,

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo kết quả. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng kết và chuẩn hoá kiến thức.	khí, phát triển du lịch và hải sản
---	------------------------------------

HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu đặc điểm dân cư Hoa Kỳ

a) Mục tiêu

- Kiến thức: Phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế; biết về sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chủng tộc, về sự đa dạng trong văn hoá.
- Kỹ năng: Dựa vào bản đồ/ lược đồ phân bố dân cư Hoa Kỳ để phân tích đặc điểm phân bố dân cư, các thành phố lớn.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS làm phiếu học tập 2 Gợi ý cho câu 3: - Nhận xét chung: tăng hay giảm qua các năm - Nhận xét chi tiết: Năm đầu tiên và năm sau cùng cách nhau bao nhiêu lần? Bình quân số dân tăng hàng năm? Những năm cuối xu hướng tăng nhanh hay tăng chậm lại? Gợi ý cho câu 4:	III. Dân cư Hoa Kỳ 1. Dân số - Đứng thứ 3 thế giới sau Ấn Độ và Trung Quốc. - Tăng nhanh, chủ yếu do nhập cư → đem lại tri thức, nguồn vốn, lực lượng lao động lớn. - Có xu hướng già hóa.

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về sự thay đổi của tỉ lệ gia tăng tự nhiên (tăng/giảm bao nhiêu)? - Nhận xét về tuổi thọ trung bình (tăng/giảm bao nhiêu). - Nhận xét về tỉ lệ nhóm tuổi dưới 15 (tăng/giảm bao nhiêu). - Nhận xét tỉ lệ nhóm tuổi trên 65 (tăng/giảm bao nhiêu). - Từ những nhận xét trên, đối chiếu với bảng, rút ra kết luận. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV chuẩn xác kiến thức. Có thể chốt lại các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh, đặc biệt tăng rất nhanh trong suốt thế kỉ 19. Hiện nay, Hoa Kỳ là nước có dân số đứng thứ ba trên thế giới. - Dân số tăng nhanh đã cung cấp nguồn lao động dồi dào, góp phần thúc đẩy kinh tế Hoa Kỳ phát triển nhanh. Đặc biệt nguồn lao động bổ sung nhờ nhập cư nên không tốn chi phí nuôi dưỡng và đào tạo. - Dân số có sự thay đổi theo hướng già hóa: tuổi thọ trung bình tăng, tỉ lệ nhóm dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ nhóm trên 65 tuổi tăng → làm tăng chi phí xã hội. <p>2 . GV tổ chức hoạt động toàn lớp</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV vẽ nhanh biểu đồ tròn biểu hiện cơ cấu dân cư Hoa Kỳ theo các số liệu sau: Dân có nguồn gốc Âu: 83%, Phi: 11 %; á, Mỹ La tinh: 5%, bản địa: 1%.</p>	<p>2 . Thành phần dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phức tạp: nguồn gốc Âu: 83%; Phi: > 10%; á và Mỹ La tinh: 6%, dân bản địa: 1% → sự bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư → nhiều khó khăn cho sự phát triển kinh tế xã hội. <p>3 . Phân bố dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bố không đều: đông đúc ở vùng đông bắc, Ven biển và đại dương; Thưa thớt ở vùng trung tâm và vùng núi hiểm trở phía Tây. - Xu hướng từ đông bắc chuyển về Nam và ven bờ Thái Bình Dương. - Dân thành thị chiếm 79% (2004). 91,8 % dân tập trung ở các thành phố vừa và nhỏ → hạn chế những mặt tiêu cực của đô thị.
--	---

GV hỏi:

- Em có nhận xét gì về thành phần dân cư của Hoa Kỳ.

- Giải thích tại sao lại có thành phần như vậy.

Nhắc lại ảnh hưởng của dân nhập cư đến sự phát triển kinh tế xã hội Hoa Kỳ (thuận lợi và khó khăn).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV chốt kiến thức.

3. GV tổ chức hoạt động cá nhân/cặp

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Yêu cầu HS quan sát lược đồ phân bố dân cư Hoa Kỳ năm 1998 nêu:

- Các đô thị trên 10 triệu người.
- Các bang có mật độ dân cư cao (hơn 300, từ 100 - 300 người/km²).
- Các bang có phân bố dân cư trung bình (từ 50 - 59 và từ 25 - 49).
- Các bang có dân cư thưa thớt (từ 10-24 và dưới 10)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS trình bày, chỉ bản đồ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chuẩn kiến thức

Bổ sung thêm thông tin về nơi cư trú của người nhập cư, của dân bản địa, giải thích. Giảng về xu hướng di chuyển của phân bố dân cư hiện nay, giải thích. Nêu lên

nét đặc biệt về dân cư đô thị của Hoa Kỳ so với các nước khác: gần 92% dân cư đô thị sống ở các thành phố vừa và nhỏ dưới 500.000 dân, giải thích và nêu ý nghĩa.	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp. Trường hợp hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà.
- d) **Tiến trình hoạt động:**

Học sinh hoàn thành các câu hỏi:

- (1) . Phân bố dân cư của Hoa Kỳ đang thay đổi theo xu hướng nào?
- A. Chuyển từ miền Tây sang miền Đông và Nam
 B. Chuyển từ miền Đông Bắc sang các bang phía Nam và ven bờ Thái Bình Dương
 C. Chuyển từ miền Đông Bắc sang các bang miền Tây D. Chuyển từ miền phía Đông và Nam sang vùng nội địa
- (2) . Quần đảo Ha-oai nằm ở đại dương:
- A. Thái Bình Dương B. Đại Tây Dương
 C. Ấn Độ Dương D. Bắc Băng Dương
- (3) . Phần lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm Bắc Mỹ nằm trong các đới khí hậu:
- A. Ôn đới, cận nhiệt B. Ôn đới, hàn đới
 C. Ôn đới, nhiệt đới, hàn đới D. Nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới, cận cực

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, nội dung bài học b) **Nội dung:**

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

- c) **Sản phẩm:** HS thực hiện yêu cầu của GV.

- d) **Tiến trình hoạt động:**

GV hướng dẫn HS tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng.

Trường hợp HS không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau:

- Anh chị hãy so sánh sự gia tăng dân số của Việt Nam và Hoa Kỳ.

Ngày soạn: / /

BÀI 6 : HỢP CHÚNG QUỐC HOA KÌ (TT)

TIẾT 2- KINH TẾ

I. MỤC TIÊU

1 . Kiến thức:

- Biết được Hoa Kỳ có nền kinh tế quy mô lớn và đặc điểm các ngành kinh tế: dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp.
- Phân tích được các xu hướng thay đổi cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và nguyên nhân của sự thay đổi đó.

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sử dụng CNTT & TT - Năng lực chuyên biệt: tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng biểu đồ

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

2 . Học sinh:

- SGK, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Tạo tình huống có vấn đề nhằm gây hứng thú học tập cho học sinh.

- Giải quyết một phần tình huống đề ra để kết nối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi:

- + Em hãy nêu các đặc điểm nổi bật nhất về nền kinh tế Hoa Kỳ
- + Tại sao nền kinh tế của Hoa Kỳ lại phát triển mạnh mẽ như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Quy mô nền kinh tế (Cả Lớp)

a) Mục tiêu : - Nắm được quy mô nền kinh tế Hoa Kỳ

- Tính được tỷ trọng GDP của Hoa Kỳ so với thế giới
- Phân tích số liệu
- Đưa ra 1 số ý giải thích về quy mô nền kinh tế Hoa Kỳ

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào bảng số liệu 6.3 để trả lời câu hỏi: + Tính tỉ trọng GDP của Hoa Kỳ so với toàn thế giới, so sánh GDP của Hoa Kỳ với các châu lục khác. Rút ra kết luận? + Dựa vào kiến thức đã học hãy giải thích nguyên nhân? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>GV chuẩn kiến thức</p>	<p>I. QUY MÔ NỀN KINH TẾ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có quy mô nền kinh tế lớn nhất thế giới. - Tổng GDP chiếm $\frac{1}{4}$ của thế giới (lớn hơn GDP của châu Á, gấp 14 lần GDP của châu Phi). - GDP/ người rất cao: 39739 USD (2004). <p>* Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí thuận lợi, tài nguyên giàu có. + Lao động đông, trình độ cao + Không bị chiến tranh tàn phá.
--	--

Hoạt động 2: Các ngành kinh tế

a) Mục tiêu:

- Nắm được đặc điểm về các ngành dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp của Hoa Kỳ, thế mạnh, hướng phát triển

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS dựa vào bảng số liệu để nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của Hoa Kỳ? (Đơn vị%) 	<p>II. CÁC NGÀNH TẾ</p> <p>1. Đặc điểm các ngành kinh tế: a. Dịch vụ:</p>
<p>Khu vực 1960 2004</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển mạnh với tỉ trọng GDP cao (79,4% năm 2004) - Các hoạt động dịch vụ đa dạng, phạm vi hoạt động trên toàn thế giới.
<p>Khu vực I 4,0 0,9</p>	

Khu vực II 33 ,9	19 ,7
Khu vực III 62 ,1	79 ,4

+ GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+Nhóm 1, 2: Tìm hiểu đặc điểm ngành dịch vụ.

+ Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về ngành công nghiệp.

+ Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về ngành nông nghiệp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm thảo luận

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

GV chuẩn kiến thức.

*** Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường:**

Sự phát triển ồ ạt của các ngành CN ở Hoa Kỳ đã gây nên tình trạng gì về môi trường?

* Ngoại thương: chiếm 12% giá trị ngoại thương thế giới.

*Giao thông vận tải: Hiện đại và hoàn thiện bậc nhất TG.

* Tài chính, thông tin, du lịch: Phát triển mạnh, phân bố rộng khắp.

b. Công nghiệp:

- Tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu, nhiều sản phẩm đứng hàng đầu thế giới.

- Tỉ trọng trong GDP giảm dần.

- Gồm 3 nhóm ngành: chế biến, điện lực, khai khoáng; trong đó công nghiệp chế biến phát triển mạnh nhất.

- Cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ có sự thay đổi

c. Nông nghiệp:

- Có nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới.

- Là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

- Cơ cấu nông nghiệp thay đổi: giảm tỉ trọng thuần nông, tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp. - Phân bố sản xuất nông nghiệp có sự phân hoá lớn giữa các vùng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp. Trường hợp hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà.

d) Tiến trình hoạt động:

HS trả lời 1 vài câu hỏi trắc nghiệm và tự luận

* Trắc nghiệm:

1 .Ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu của Hoa Kỳ: A. Công nghiệp. C. Công nghiệp chế biến.

B. Ngư nghiệp. D. Nông nghiệp.

2 . Giá trị sản lượng công nghiệp và nông nghiệp Hoa Kỳ có xu hướng:

A.Tăng. B. Giảm.

* Hãy chứng minh Hoa Kỳ có nền kinh tế đứng đầu thế giới?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, nội dung bài học

b) Nội dung:

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) Sản phẩm: HS thực hiện yêu cầu của GV.

d) Tiến trình hoạt động

GV hướng dẫn HS tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng.

Trường hợp HS không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, GV có thể yêu cầu HS chọn 1 trong hai nhiệm vụ sau:

- Thực trạng kinh tế Việt Nam hiện nay.

- Nguyên nhân.

Ngày soạn: /.... /....

Tiết 12: THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÂN HOÁ LÃNH THỔ SẢN XUẤT CỦA HOA KÌ

I. MỤC TIÊU

1 . Kiến thức: Xác định được sự phân hoá lãnh thổ trong nông nghiệp và công nghiệp của Hoa Kỳ và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá đó.

2 . Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng CNTT và TT, năng lực tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, năng lực sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, hình ảnh

3 . Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Lược đồ tự nhiên Hoa Kỳ, bản đồ kinh tế chung Hoa Kỳ.
- Bảng phân hoá lãnh thổ công nghiệp, nông nghiệp, Lược đồ các TTCN Hoa Kỳ.

2 . Học sinh:

- Vở ghi, sgk

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

- Huy động một số kiến thức, kĩ năng đã học nhằm tạo tình huống có vấn đề để kết nối với bài mới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

1 . Kiểm tra 15 phút:

Cho bảng số liệu về tổng GDP của Hoa Kỳ và một số châu lục trên thế giới, năm 2004 (Đơn vị: tỉ USD)

Khu vực	Toàn thế giới	Hoa Kỳ	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi
Tổng GDP	40887,8	11667,5	14146,7	10092,9	790,3

1. Hãy vẽ biểu đồ so sánh GDP của Hoa Kỳ với thế giới và các châu lục khác?
2. Nhận xét quy mô nền kinh tế của Hoa Kỳ và giải thích nguyên nhân?

2 . Các hoạt động học tập:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi:

- + Em hãy kể tên một số sản phẩm nổi tiếng trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp của Hoa Kỳ
- + Tại sao ngành nông nghiệp và công nghiệp của Hoa Kỳ lại có sự phân hóa như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu Sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp của Hoa Kỳ a) **Mục tiêu:**

Xác định được sự phân hoá lãnh thổ trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá đó.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ - Gọi HS đọc bài thực hành. Xác định yêu cầu của bài thực hành. - GV yêu cầu HS quan sát hình 6.1 và bản đồ tự nhiên Hoa Kỳ xác định các khu vực: + Đồng bằng ven biển Đông Bắc và nam Ngũ Hồ. + Đồi núi Apalat. + Đồng bằng ven vịnh Mêhicô. + Đồng bằng trung tâm. + Đồi núi Cooc- đi- e. - GV hướng dẫn HS thực hiện tuần tự các việc sau. + Lập bảng theo mẫu SGK. + Kết hợp hình 6.1 và hình 6.6	<u>I. Yêu cầu của bài thực hành:</u> 1 . Tìm hiểu sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp của Hoa Kỳ. 2 . Tìm hiểu sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp của Hoa Kỳ. <u>II. Tiến hành bài thực hành:</u> 1 . Sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp của Hoa Kỳ:				
			Cây lương thực	Cây công nghiệp và cây ăn quả	Gia súc
	Phía Đông		Lúa mì	Đỗ tương, rau quả	Bò thịt, bò sữa
	T R U N	Các bang phía Bắc	Lúa mạch	Củ cải đường	Bò, lợn

(lược đồ phân bố sản xuất nông nghiệp Hoa Kỳ) để xác định các nông sản chính của từng khu vực và điền vào bảng đã lập. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác bổ sung Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn hoá kiến thức.	G	Các bang ở giữa	Lúa mì và ngô	Đỗ tương, bông, thuốc lá	Bò
	T	Các bang phía Nam	Lúa gạo	Nông sản nhiệt đới	Bò, lợn
	M	Phía Tây	Lúa mạch	Lâm nghiệp đa canh	Chăn nuôi bò, lợn
GV yêu cầu HS giải thích sự khác biệt về nông sản giữa các vùng .	* Nguyên nhân: - Sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp Hoa Kỳ chịu tác động của các nhân tố: địa hình, đất đai, nguồn nước, khí hậu, thị trường tiêu thụ... - Tùy theo từng khu vực mà có một số nhân tố đóng vai trò chính.				

Hoạt động 2: Tìm hiểu Sự phân hoá lãnh thổ nông nghiệp của Hoa Kỳ a) Mục tiêu:

Xác định được sự phân hoá lãnh thổ trong công nghiệp của Hoa Kỳ và những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá đó.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện tuần tự các việc sau. + Lập bảng theo mẫu SGK. + Dựa vào hình 6.7 (Các trung tâm công nghiệp chính	2 . Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp			
	<div>Vùng</div> <div>Các ngành CN chính</div>	Vùng Đông Bắc	Vùng phía Nam	Vùng phía Tây

của Hoa Kỳ) để xác định tên các vùng công nghiệp phân bố ở từng vùng, phân loại theo 2 nhóm và điền vào bảng đã lập. - Giải thích nguyên nhân của sự phân hoá đó?	Các ngành CN truyền thống	Hóa chất, thực phẩm, luyện kim, đóng tàu, dệt, cơ khí.	Đóng tàu, thực phẩm.	Đóng tàu, luyện kim màu
- Nhận xét sự khác biệt giữa vùng Đông Bắc với các vùng còn lại về mức độ tập trung công nghiệp và cơ cấu ngành. - Giải thích nguyên nhân của sự khác biệt đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả. + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn hóa kiến thức.	Các ngành CN hiện đại	Điện tử viễn thông, sản xuất ô tô.	Chế tạo máy bay, tên lửa vũ trụ, hoá dầu, điện tử, viễn thông, sản xuất ô tô.	Điện tử, viễn thông, chế tạo máy bay, sản xuất ô tô
<p>* Nguyên nhân: Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp Hoa Kỳ là kết quả tác động đồng thời của các yếu tố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử khai thác lãnh thổ. - Vị trí địa lý của vùng. - Nguồn tài nguyên khoáng sản. - Dân cư và lao động. - Mối quan hệ với thị trường thế giới. 				

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** HS thực hiện nhiệm vụ tại lớp. Trường hợp hết thời gian GV hướng dẫn HS học ở nhà.
- d) **Tiến trình hoạt động**
- HS trả lời 1 vài câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1 Các nông sản chính của khu vực phía Đông Hoa Kỳ là: A. Cây ăn quả, rau, lúa mì, lúa gạo, bò.

B. Ngô, đỗ tương, bông, thuốc lá, bò.

C. Lúa mì, ngô, củ cải đường, bò, lợn.

D. Lúa gạo, lúa mì, bò, lợn.

Câu 2. Các nông sản chính ở các bang phía Bắc, khu vực trung tâm Hoa Kỳ là: A. Ngô, đỗ tương, bông, thuốc lá, bò.

B. Lúa mì, ngô, củ cải đường, bò, lợn.

C. Cây ăn quả, rau, lúa mì, lúa gạo, bò.

D. Lúa gạo, lúa mì, bò, lợn.

Câu 3. Các nông sản chính ở các bang ở giữa, khu vực trung tâm Hoa Kỳ là: A. Lúa mì, ngô, củ cải đường, bò, lợn.

B. Cây ăn quả, rau, lúa mì, lúa gạo, bò.

C. Ngô, đỗ tương, bông, thuốc lá, bò.

D. Lúa mì, lúa gạo, bò, lợn.

Câu 4. Các ngành công nghiệp truyền thống ở vùng phía Nam Hoa Kỳ là: A. Thực phẩm, dệt, sản xuất ô tô, điện tử, viễn thông.

B. Thực phẩm, dệt, sản xuất ô tô, hóa dầu.

C. Thực phẩm, dệt, sản xuất ô tô, đóng tàu.

D. Thực phẩm, dệt, sản xuất ô tô, chế tạo máy bay.

Câu 5. Các ngành công nghiệp truyền thống ở vùng phía Tây Hoa Kỳ là: A. Đóng tàu, luyện kim, chế tạo máy bay.

B. Đóng tàu, luyện kim, điện tử, viễn thông.

C. Đóng tàu, luyện kim, cơ khí.

D. Đóng tàu, luyện kim, sản xuất ô tô.

Câu 6. Các ngành công nghiệp hiện đại ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ là: A. Điện tử, viễn thông, cơ khí.

B. Điện tử, viễn thông, chế tạo máy bay.

C. Điện tử, viễn thông, chế tạo tên lửa vũ trụ.

D. Điện tử, viễn thông, hóa dầu.

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, nội dung bài học

b) **Nội dung:**

+ Phát vấn

+ Hoạt động cá nhân/ cả lớp

c) **Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi

d) **Tiến trình hoạt động**

- GV hướng dẫn HS tự đặt vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng.
- Trường hợp HS không tìm được vấn đề để liên hệ hoặc vận dụng, GV có thể yêu cầu...
 - + Sự phân hóa lãnh thổ trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở Việt Nam.
 - + Nguyên nhân của sự phân hóa đó.

Ngày soạn: / /

BÀI 7: LIÊN MINH CHÂU ÂU (EU)

TIẾT 1: EU – LIÊN MINH KHU VỰC LỚN NHẤT THẾ GIỚI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu được quá trình hình thành và phát triển, mục đích và thể chế của EU.
- Chứng minh được rằng EU là trung tâm KT hàng đầu TG.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng CNTT và TT, năng lực tính toán.
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, năng lực sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, hình ảnh,...

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. GIÁO VIÊN DẠY HỌC VÀ HỌC SINH

1 . Giáo viên: Máy tính, máy chiếu.

- Các bản đồ: Các nước châu Âu, quá trình phát triển EU, sự phân hóa trong không gian kinh tế ở EU.
- Các biểu đồ, các bảng số liệu có trong SGK (phóng to).
- SGK, SGV, tài liệu tham khảo khác,..
- Dựa vào hình 7.2 SGK, xác định các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu`

2 . Học sinh:

- sgk, vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu:

Huy động các kiến thức hiểu biết về Liên Minh Châu Âu: sự ra đời đến nay, số lượng các nước thành viên, nội dung về hợp tác, liên kết.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Các em đã biết xu hướng liên kết khu vực là xu hướng phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế thế giới hiện nay. Trong số các tổ chức liên kết khu vực trên thế giới, ra đời từ rất sớm và phát triển thành công nhất hiện nay là EU – Liên minh khu vực lớn nhất thế giới. Sự “lớn nhất” ấy được biểu hiện cụ thể như thế nào, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay để trả lời câu hỏi đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của EU

a) Mục tiêu: Trình bày được lí do hình thành và quy mô, vị trí, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ: HS dựa vào lược đồ liên minh châu Âu năm 2007 và các kênh chữ trong SGK để trả lời câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Liên minh châu Âu được hình thành và phát triển như thế nào? + EU được mở rộng theo các hướng khác nhau trong không gian địa lí nào? + Dựa trên lược đồ Hình 7.2 em có nhận xét gì về số lượng thành viên tham gia và phạm vi lãnh thổ. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chuẩn hoá kiến thức:</p> <p>HD 2: Cả lớp</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>I. Quá trình hình thành và phát triển:</p> <p>1 . Sự ra đời và phát triển :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau chiến tranh TG 2, có nhiều hoạt động nhằm liên kết châu Âu. - Số lượng các nước thành viên tăng liên tục (từ 6 thành viên (1957) tăng lên 27 thành viên 2007). - EU được mở rộng theo các hướng khác nhau (sang phía Tây; xuống phía Nam; sang phía Đông). - Mức độ liên kết, thống nhất ngày càng cao (Từ liên kết đơn thuần trong cộng đồng kinh tế châu Âu năm 1957 và cộng đồng châu Âu 1967 đến những liên kết toàn diện năm 1993). <p>2 . Mục đích và thể chế của EU:</p> <p>- Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phát triển khu vực tự do lưu thông hàng hóa, dịch vụ, con người, vốn giữa các thành viên